

LINH SƠN PHÁP BẢO ĐẠI TẶNG KINH
TẬP 165

NĂM MƯƠI CÂU HỎI
ĐÁP QUAN TRỌNG CỦA
HOA NGHIÊM

SỐ 1869
(QUYỂN THƯỢNG & HẠ)

HỘI VĂN HÓA GIÁO DỤC
LINH SƠN ĐÀI BẮC XUẤT BẢN

SỐ 1869

NĂM MƯƠI CÂU HỎI ĐÁP QUAN TRỌNG CỦA HOA NGHIÊM

*Biên soạn: Sa-môn Trí Nghiễm chùa Chí Tướng
ở núi Thái Nhất thuộc Chung Nam, đời Đại Đường*

QUYỂN THƯỢNG

Nay lập năm mươi câu hỏi đáp quan trọng để làm sáng tỏ nghĩa tiết của văn Nhất thừa.

1. Mười Phật và danh nghĩa, giải thích trong phẩm Ly Thế Gian:

Hỏi: Thế nào là thấy Phật và danh số Phật? Nghĩa bất đồng trong giáo Nhất thừa, Ba thừa, Tiểu thừa?

Đáp: Y cứ vào giáo pháp Tiểu thừa, thấy ba mươi hai tướng của sắc thân Phật là thấy Phật. Nhãn căn và cảnh, đồng thời tương ứng với thấy sắc tướng thật, gọi là thấy Phật.

Nếu y cứ vào Ba thừa thấy ba mươi hai tướng sắc thân thật của Phật, không gọi là thấy Phật, vì kết hợp với phân biệt biến kế. Nếu thấy tướng có tự thể giống nhau, thì là gọi giống nhau, cũng chẳng phải thấy Phật.

Nếu biết chẳng có tánh, chẳng có tướng vị lai, quá khứ, tức sắc là không, chẳng phải không của sắc diệt. Bình đẳng, chẳng phải như cái gọi là, đó gọi là thấy Phật, vì tương ứng với thể của Phật, nên dựa vào giáo Nhất thừa, thấy, nghe dĩ vãng, quá khứ, cho đến hội ý biết tướng vô sinh và thích ứng với mười số thấy mười vị Phật kia.

1. Phật vô trước, an trụ thế gian, thành Chánh giác.
2. Phật nguyện, vì sinh ra.
3. Phật nghiệp báo, vì có lòng tin.
4. Phật trì, vì thuận theo.
5. Phật Niết-bàn, vì độ mãi mãi.
6. Phật pháp giới, vì chẳng có chỗ nào không đến.
7. Phật tâm, vì an trụ.
8. Phật tam-muội, vì vô lượng không có chấp mắc.
9. Phật tánh, vì quyết định.

10. Phật như ý, vì che khắp nên gọi là thấy Phật. Vì thấy như thế, thuận với chánh lý thì sẽ nhìn thấy Như Lai vô thượng. Vì sao? Vì thành pháp phần Bồ-đề và pháp phần giải thoát. Sự khác nhau giữa thô, tế, đối cơ sinh tín đầu tiên, vì bắt đầu là khác nhau.

Sự khác nhau về danh số của Phật đối với Nhất thừa, nhiều ít thế nào? Nghĩa là danh số Phật của giáo Nhất thừa có mười, như kinh Hoa Nghiêm chép: “Một là Phật vô trước. Hai là Phật nguyện. Ba là Phật nghiệp báo. Bốn là Phật trì. Năm là Phật Niết-bàn, sáu mươi sáu Phật pháp giới, bảy là Phật tâm, tám là Phật Tam-muội, chín là Phật tánh. Mười là Phật như ý.”

Phật đối với Ba thừa có ba:

1. Phật pháp thân.
2. Phật báo thân.
3. Phật hóa thân.

Một là: Phật pháp thân, cũng gọi thân tự tánh, tức chân như bản thức.

Hai là: Phật báo thân, cũng gọi là ứng thân, thì tu sinh hạnh đức thành.

Nếu y cứ vào hai vị Phật Tiểu thừa: Phật sinh thân, và Phật hóa thân thì đều tu sinh, hạnh từ bi ái thành.

Nếu khen ngợi đức của Phật, hoặc một, hoặc ít, hoặc nhiều thời gian là Ba thừa. Hoặc lúc khen ngợi nhiều ít, cho đến nhiều thời gian, nhiều khen ngợi Nhất thừa.

2. Giải thích: Nghĩa thọ chứa, sau phẩm Thập Trụ.

Hỏi: Các giáo pháp thành Phật thọ chức như thế nào?

Đáp: Nếu Tiểu thừa thọ chức, thì chỉ giáo trong nghĩa nhân, trở thành nghĩa không có sự riêng.

Nếu Ba thừa thọ chức thì sẽ dựa vào lý, xứ mà thành, cũng không

nói về sự, lý, như kinh Hoa Nghiêm có nói rộng.

3. Nghĩa chúng sinh thành Phật, sau mười, nhiều giải thích:

Hỏi: Y cứ vào trong các giáo, hữu tình chúng sinh thành Phật ra sao?

Đáp: Y cứ vào giáo Tiểu thừa, trong cùng một lúc, chỉ có hạnh ái từ bi của một vị Bồ tát. Dựa vào ba mươi ba tâm, thứ lớp thành Phật, hạnh, kiến khác, đều không thành Phật, chỉ được hai thứ Niết-bàn vô dư.

Nếu y cứ vào Thủ giáo của Ba thừa thì một nửa thành Phật, một nửa không thành Phật.

Nếu hai người tiến thẳng và hồi tâm, tu hành mười ngàn kiếp, người trụ địa Kham Nhẫn đều thành Phật. Nếu chưa đến vị này thì sẽ đồng với Nhất-xiển-đề-ca, những người này đều không thành Phật.

Đây là y cứ vào năm vị, nếu y cứ vào sự phán quyết này thì so sánh bốn luận chứng phân biệt, cũng có thể biết. Ở đây, như Du-già, Bồ-tát Địa chép: “Nếu y cứ vào Chung giáo của Ba thừa thì tất cả chúng sinh hữu tình đều sẽ được thành Phật”. Do trí Thánh của người khác làm sáng tỏ Phật tánh bản hữu và vì tánh hạnh nên dứt trừ cỏ, cây, như kinh Niết-bàn chép: “Y cứ vào nghĩa Nhất thừa thì tất cả chúng sinh đều nương tựa chung và đều sẽ thành Phật”. Như kinh Hoa Nghiêm chép: “Dùng nghĩa này so sánh với nghĩa của bốn luận chứng ở trên, tức là Cộng giáo của Nhất thừa, chẳng phải là Biệt giáo.

4. Giải thích: Nghĩa trước, sau thành Phật, sau bốn mươi Vô ngại biện:

Hỏi: Các giáo nói: hữu tình, tất cả chúng sinh thành Phật trước sau, mình người ra sao?

Đáp: Y cứ theo giáo Tiểu thừa thì chỉ một người thành Phật, nếu nhập giáo khác thành Phật thì thời gian trước, sau khác nhau. Nếu thời gian sau giáo hóa hữu tình thành Phật thì vì không có Phật ở mười phương nên nương tựa giáo pháp ba thừa, vì có Phật mười phương nên đồng thời ở chỗ khác thành Phật.

Nếu hữu tình khác cũng có chủ thể hóa, đối tượng hóa thì đồng thời thành Phật, vì tới, lui không nhất định nên dựa vào giáo pháp Nhất thừa, trong mỗi niệm thành Phật, đều tận cùng hữu tình đã được hóa độ. Mười Trụ trong các vị trở đi, cho đến Bồ-đề đều tận cùng cõi chúng sinh, đều thành Phật đồng khắp, không có trước, sau, vì đồng một đại thọ duyên khởi.

5. Giải thích: Nghĩa một niệm thành Phật cũng sau bốn mươi vô ngại biện:

Hỏi: Một niệm thành Phật và nhiều kiếp thành Phật khác nhau như thế nào?

Đáp: Y cứ theo giáo pháp Tiểu thừa thì mãn ba A-tăng-kỳ đại kiếp thành, hoại của thế giới, chắc chắn sẽ thành Phật.

Không có một niệm thành Phật: Y cứ giáo pháp Ba thừa, hoặc một niệm thành Phật, việc này có hai nghĩa:

Một là: Do khi giai vị Giác lý đầy đủ thì chỉ một niệm.

Hai là: Khi gặp duyên từ thật, thì pháp tánh chẳng có nhiều, ít, dài ngắn, vì một thành tức tất cả thành, tất cả thành tức một thành. Nếu y cứ vào một thiên giới, quyết định ba tăng-kỳ thành Phật, thì đây là y cứ vào thuyết một trăm hai mươi số của Hoa Nghiêm nói về nghĩa tăng kỳ, nếu chung cho thế giới khác cũng không quyết định ba Tăng-kỳ, như kinh Thắng Thiên Vương chép: “Y cứ vào nghĩa Nhất thừa thì lúc thành Phật đều không quyết định, vì thời tiết của thế giới mười phương đều đồng với thế giới của Nhân-đà-la, đều y cứ ở vị báo của phần thích hợp để nói về tương tác, tương nhập của các kiếp hữu vi, nên chẳng có thời lượng nhất định, nhưng vẫn là pháp của thời lượng không trái.

6. Nghĩa thành hóa độ của Phật phương khác. Giải thích trong phẩm Vân Tập đầu tiên của phẩm thứ hai:

Hỏi: Tương các giáo ứng hóa của chư Phật ở phương khác ra sao?

Đáp: Theo giáo pháp Tiểu thừa thì không có Phật của phương khác, nếu có, tức là Phật của phương này biến hóa đến phương kia.

Y cứ giáo pháp Ba thừa, tịnh độ mười phương nơi có chư Phật đều là Phật bao, không có biến hóa. Nên quyền khởi thì chẳng nhất định chỉ chung, khiến cho căn cơ hữu tình biết người biến hóa thuộc về hóa. Nếu ở xứ Sắc Cứu Cánh và dưới cây Bồ-đề thì hai vị Phật đối nhau có hai nghĩa:

Một là: Dùng hóa làm sáng tỏ báo, tức dưới cây Bồ-đề nói lên một cách sáng tỏ Phật trong biển thế giới Liên Hoa Tạng, vì là báo thân.

Hai là: Dùng báo thân làm rạng rỡ hóa thân. Như xứ Sắc Cứu Cánh hình thành thân cao lớn, làm sáng tỏ cây Bồ-đề là nghĩa hóa.

Nếu y cứ Nhất thừa thì chỉ có mười vị Phật, nói về phần công hạnh, thì không chia ra nghĩa tu sinh hữu và bản hữu.

Nếu thể giải đại đạo thì thể là thể tướng của nhất thiết chung,

tức tất cả chủng tướng, dụng tức tất cả thứ dụng. Các phương xuất hiện Phật, hoặc danh, hoặc nghĩa, nếu y cứ vào biển của Phật Thích-ca thì sẽ ấn định hóa hiện, không có Phật riêng.

7. Nghĩa quyển thuộc Phật mẫu, giải thích trong hậu Ma-da:

Hỏi: Tướng nghĩa của các quyển thuộc Phật mẫu Ma-da như thế nào?

Đáp: Theo giáo pháp Tiểu thừa, Ma-da Phật mẫu là thân mẫu của Phật chân thật ở châu Thiệm-bộ này. Trong thế giới khác thì chẳng có thật, vì là Phật hóa thân.

Y cứ Thủ giáo của Ba thừa, đối với tất cả Phật trong một Tam thiên, v.v... đều là quyển thuộc của Ma-da hóa Phật, cũng chẳng phải thật, các xứ của cõi Tam thiên cũng có Phật riêng, nghĩa hóa đồng với trước. Các quyển thuộc của Phật mẫu trong tịnh độ cũng chỉ là hóa, vẫn là hóa pháp môn, chẳng phải hóa tám tướng.

Nếu Chung giáo của Ba thừa, như thế giới đồng loại của Tam thiên, v.v... hóa hiện thành Phật, đều là hóa Phật. Vì sao biết được? Luận Đại Trí Độ chép: “Thế giới thành Phật, dẫn chứng rộng như số, được biết đều là cảnh của một hóa Phật, vì hiện thân nhiều xứ, nên là Hóa. Thân trời Ma-hê-thủ-la cũng là biến hóa, do quyền hiển dưới cây Bồ-đề của Diêm-phù là hóa Phật, nên tất cả Phật của thế giới Liên Hoa Tạng là thật báo. Tịnh độ mười phương của thế, tướng, dụng chung đã có Phật xuất hiện là báo thân Phật, tất cả thân thuộc là pháp môn vì hiện đang dẫn dắt chúng sinh có thói quen khác lạ, tiểu căn của Ta-bà này, như kinh Đại Vô Lượng Thọ chép: “Nếu y cứ vào Nhất thừa, tất cả chư Phật tồn tại ở lưới giáo mà Phật Thích-ca đã hóa độ với danh nghĩa hiển hiện đều là năng lực định hải ấn của Phật Thích-ca”.

Do nghĩa này, so sánh với các quyển thuộc đều đồng như vậy. Nghĩa thế, tướng, dụng và tánh thay đổi, biến hóa, y theo nghĩa này có thể biết.

8. Nghĩa căn hữu tình của Phật, giải thích trong phần Sơ thỉnh của phẩm thứ hai:

Hỏi: Sự khác nhau giữa tương nhập, tương tác giữa các tình căn của Phật như thế nào?

Đáp: Y cứ vào các căn của Phật, Bồ-tát, giáo pháp Tiểu thừa tương tác chỉ do biến hóa mà thành chứ chẳng phải do sửa đổi tánh. Dựa vào giáo pháp của Ba thừa, biến hóa và sửa đổi tánh đều được tự tại. Ba

thừa có hai nghĩa: Y cứ vào bản tánh tức Bồ tát Đại thừa, Duyên giác, Thanh văn. Nếu dựa vào hiện giác thì gọi chung là Bồ tát Đại thừa. Nay, gồm thân bản tánh, phân biệt từ Đại thừa, tức hai nghĩa: biến hóa, tánh sửa đổi đều thành. Y cứ ở tánh sửa đổi, biến hóa của giáo Nhất thừa, đều dựa vào pháp căn bản duyên khởi, biểu hiện rõ ràng, cũng không có tánh riêng để biến, để đổi. Nếu hiện thành thì sẽ đồng với nhiếp hóa ở trước, vẫn là thể của Nhất thừa của người có thân kia. Lại nữa, có đức Thánh kia, tiến thẳng Đại thừa có, đức Thánh kia không có. Hễ có thân, tỏ ngộ dần và Tiểu thừa có thân kia có đức Thánh, mà phân phàm chẳng phải pháp Thánh.

9. Nhân quả của Phật, Bồ-tát chung cho nghĩa cuộc hạn, giải thích sau phẩm Lô-xá-na:

Hỏi: Hai vị nhân quả của Phật, Bồ-tát khác nhau thế nào?

Đáp: Y cứ giáo Tiểu thừa, một người nương tựa một cõi, dựa vào thứ lớp của nhất tâm thành Phật. Nhân quả tương xứng với hiện lượng có thể biết, chỉ dứt hoặc, nhân quả tận, không tận khác nhau.

Nếu dựa vào nhiều thân, nhiều tâm, nhiều xứ của Ba thừa, ứng hiện thành, chẳng phải nghiệp của một hạnh, Phật cũng như thế, tất cả xứ thành, chỉ có biển thế giới Liên Hoa Tạng, Phật và một phần tướng nghĩa của trí chánh giác của ba thế gian, nghĩa tương có thể biết, chỉ phân chia bằng nhau biên lượng, từ thế giới Tam thiên này, hữu tình y cứ xứ mười phương, dùng làm biên lượng, không biện luận về màn lưới của Nhân-đà-la và cảnh giới mà thế giới sâu kín đã có.

Nếu y theo giới hạn phần lượng, về nhân quả thành Phật của tất cả Nhất thừa, thì chung cho bí mật sâu kín của Nhân-đà-la, sự phân chia giới hạn của tất cả cảnh cùng tận, biên lượng của phần giới hạn của ba thế gian, như y cứ môn Phổ Hiền của kinh Hoa Nghiêm, tất cả hai vị nhân quả tu hành dứt hoặc, v.v... đều cùng tận, không cùng tận.

10. Nghĩa chung, riêng tu đạo của các giáo, thuyết tam-muội ly cấu đầu tiên của địa thứ mười:

Hỏi: Sự tu đạo của các giáo chia giới hạn, thời tiết của nghiệp chung, riêng như thế nào?

Đáp: Y cứ vào giáo Tiểu thừa các nghiệp báo chung của Bồ-đề vđều từ phát tâm đầu tiên, thứ lớp tu hành. Thập địa sắp thành Phật, với tâm sau cùng tu riêng nghiệp tướng tốt trong một trăm kiếp là thật, chẳng phải hóa.

Nếu y cứ vào Thủ giáo của Ba thừa là hóa, chẳng phải thật, nếu theo Chung giáo và tiến thẳng Bồ-tát, đều từ khi phát tâm đến nay, tất cả đều tu. Sau cùng của Thập địa không có tu nghiệp tướng tốt trong một trăm kiếp riêng mà dựa vào phần giáo của Nhất thừa tương đồng với Chung giáo.

Đã tu Thập tín đến nay, tức thành Phật, thành Bồ-tát. Hạnh cũng không có thời lượng riêng, tu nghiệp tướng tốt riêng. Vì sao? Vì hiện sau Thập địa, tu nghiệp tướng tốt, vì hồi Thanh văn, do hàng Thanh văn tu nghiệp về phần trí, không tu phần phước.

Nay, hiện đang tu riêng, làm sáng tỏ lòng tin của người ấy, không có ngã mạn, vì kính yêu.

11. Nghĩa thành thật, không thành thật, giải thích sau khu rừng rậm:

Hỏi: Bồ-tát tu đạo, thành Phật, không thành Phật khác nhau thế nào?

Đáp: Theo giáo Tiểu thừa, chỉ tu nghiệp phần Bồ-đề, trừ người có lui sụt, đều thành Phật, không ai không thành Phật. Nương tựa giáo ba thừa, thực hành tu đạo, đều được thành Phật. Nếu đối với căn cơ khác lạ thì hiện không thành Phật. Nếu theo chánh lý vô thành thì bất thành.

Theo giáo Nhất thừa đều đối với căn cơ trước kia, nếu muốn thành Phật thì thường sẽ thành, mới dứt kiết thành Phật cũng không trụ. Học Địa thành Phật, nếu đối với căn cơ bất thành thì thường bất thành, như biển cả đối với các giai vị không có tràn đầy, tức là Bồ-tát Nhất-xiển-đề trong kinh Lăng-già. Nếu đối với căn cơ bệnh lạ thì vô thành, bất thành, nếu đối với Phổ Hiền thì vừa thành, vừa không thành.

12. Nghĩa tướng mạo của Phật, giải thích trong phẩm Tri Thức thứ ba:

Hỏi: Các giáo lập tướng mạo Phật ra sao?

Đáp: Theo giáo Tiểu thừa dùng tướng con người làm tướng Phật. Trí Nhất thiết v.v... thuộc về pháp. Y cứ giáo Ba thừa, vừa đức, vừa tướng, là tướng mạo Phật. Y cứ giáo Nhất thừa là đức, là tướng, là chẳng phải đức, là chẳng phải tướng, do lý duyên khởi, đầy đủ nghĩa tác, bất tác, nghịch, thuận.

13. Nghĩa đại sư, tiểu sư, giải thích hai địa gồm thâm sinh giới:

Hỏi: Sự khác nhau giữa đại sư và tiểu sư như thế nào?

Đáp: Theo giáo Tiểu thừa, Hòa-thượng là Đại sư, Xà-lê là Tiểu sư. Phật chẳng phải Đại sư, chẳng phải Tiểu sư. Theo giáo Bthừa, Phật là Đại sư, giáo khác đều lập là Tiểu sư. Vì sao? Vì nếu là người Tiểu thừa, thì đặt ra giai vị riêng, vì nhập quả Niết bàn vô dư, nên quyền đối với vị dưới, lập sư đại, tiểu.

Sự đại, tiểu của Nhất thừa: Theo lý là chánh, chẳng phải do sự tướng.

14. Nghĩa tín mãn, thành Phật, giải thích phẩm Hiền Thủ:

Hỏi: Thập tín thành Phật với tâm sau cùng của Thập Địa thành Phật sẽ ra sao?

Đáp: Nếu chỉ nói Thập tín thành Phật mà không nói về tâm sau cùng của Thập Địa thành Phật thì tức là giáo của Ba thừa. Vì sao? Vì đạo lý pháp, nghĩa không đầy đủ. Nếu đủ năm vị và chín vị làm Phật thì tức là thuộc về Viên giáo Nhất thừa, vì sao? Vì đủ nghĩa giáo, đầy đủ thuyết, nên Phật Tiểu thừa, Phật Ba thừa đều là Phật A-hàm, Phật Nhất thừa là Phật nghĩa.

15. Nghĩa hưng thịnh của Phật trong kiếp giảm, giải thích sau lợi ích của địa sau Thập địa:

Hỏi: Vào kiếp giảm, chia giới hạn đời hưng thịnh của Phật như thế nào?

Đáp: Theo giáo Tiểu thừa thì một trăm năm làm kiếp giảm. Theo giáo Ba thừa có hai thứ giảm:

1. Thời gian giảm, chẳng phải việc lành giảm.
2. Thời gian giảm, việc lành cũng giảm.

Tám muôn kiếp trở xuống vị đại là thời gian giảm. Một trăm năm trở xuống vị đại là việc lành giảm, vì các điều ác như năm trước, v.v... tăng thêm.

16. Cây Bồ-đề là nghĩa bắt đầu, giải thích hội Thập trụ đầu tiên:

Hỏi: Giáo lý kinh Hoa Nghiêm vì sao y cứ vào cây Bồ-đề và Phật là bắt đầu cho chỗ nói pháp khác, và Bồ-tát hữu tình đều nói là cuối?

Đáp: Nếu nói theo mê thì khởi tâm động niệm đều là biến kế, tức là pháp không vô. Nay, do trí Phật khéo giác ngộ bản tánh, dứt tướng, trở lại cội nguồn để lập ra giáo, vì giềng mối đều là trí Phật, nên y cứ Phật là bắt đầu xa lìa Phật, không có một pháp nào cả.

17. Giải thích nghĩa thường, vô thường của thân Phật trong Bồ-đề của phẩm Khởi Tánh:

Hỏi: Thân Phật là thường hay Vô thường?

Đáp: Theo Tiểu thừa thì Phật vô thường, theo Ba thừa thì Phật vừa thường vừa vô thường. Phật Pháp thân rất ráo cho nên thường. Vì lia, không lia nên vô thường. Ứng thân vì hễ chứng thì rất ráo cho nên thường, thuận theo đối với vị phẩm hạ, Thanh văn, phàm phu được thấy thêm bớt nên là vô thường. Hóa thân như lửa, có chỗ đốt cháy, có chỗ diệt nên là vô thường, vì đức hóa độ nối nhau nên nói là thường. Vì cùng tận mé vị lai nên mười vị Phật của Nhất thừa là thường, là vô thường, chẳng phải thường, chẳng phải vô thường. Vì dụng không nói là thuyết nên Phật là thường, vì tương ứng với A-hàm nên là vô thường. Vì tùy thuộc mé duyên khởi nên chẳng phải thường, chẳng phải vô thường.

18. Giải thích tướng đồng, tướng bất đồng về nghĩa chuyển y của Phật trong phẩm Địa:

Hỏi: Theo các giáo, sự khác nhau về chuyển y của Phật như thế nào?

Đáp: Theo giáo Tiểu thừa chuyển diệt, chuyển thành, chuyển vị, chuyển hiển, vị hiện hoặc diệt trừ nên nói là chuyển diệt, vì hạnh đức mãn nên chuyển thành, vì chuyển tánh phàm phu được tánh bậc Thánh nên chuyển vị, vì dòng pháp của bậc Thánh được thể hiện ở đời nên nói chuyển hiển.

Theo giáo của ba thừa, chuyển diệt, chuyển thành, chuyển vị, chuyển hiển. Hoặc được tâm trong hiện tại và chủng diệt, tánh diệt, nên chuyển diệt. Các đức viên mãn và vì tánh mãn nên chuyển thành, chuyển y phàm phu, được y bậc Thánh và không chuyển thì không được thành chuyển vị. Pháp thân lia hoặc và không lia tướng nên gọi là chuyển hiển.

Theo giáo Nhất thừa bản hữu và bản hữu tu sinh. Tu sinh và tu sinh bản hữu bốn vị thường như vậy. Diệt ác bất diệt, vì rất ráo thường như vậy, nên nghĩa chuyển y chung cho chín đời và mười đời, chẳng phải như Tiểu thừa ở trước và một đời, ba đời của ba thừa giáo.

19. Nghĩa chuyển bốn thức thành bốn trí. Cũng giải thích xứ, tướng khác nhau của phẩm Địa:

Hỏi: Chuyển diệt bốn thức thành bốn trí, nghĩa ấy như thế nào?

Đáp: Theo giáo Tiểu thừa chỉ có năm thức và ý thức, không có

Lại-da và Mạt-na, cũng không có bốn trí để thành. Nếu theo giáo Ba thừa thì sẽ có chuyển diệt bốn thức thành bốn trí, mà bốn trí này y cứ vào Chung giáo của Ba thừa và tiến thẳng bốn trí, giáo Bồ-tát đều từ ý thức thành. Vì sao? Vì tất cả quả báo và thức mạt-na được khởi hiện hạnh, đều từ vị ý thức, vì duyên xa thành. Nếu lại-da dị thực, gần gũi từ chủng phát, đồng loại hạt giống tức từ tâm, ý, thức trên mà sinh, hướng chi lại phát trí, từ chủng loại, v.v... của bản thức, thứ lớp phát ra, nghĩa này không thể chỉ Phật, Bồ-tát gửi gắm danh từ bốn trí làm sáng tỏ bốn thức, làm sáng tỏ bản thức và thức mạt-na là có, quyết định chẳng phải gồm với tự loại của bốn thức sinh trí. Vì sao? Vì mạt-na, bản thức và năm thức không thành nghiệp suy nghĩ của báo chung và văn, tư phân biệt, lựa chọn vì không thể có. Nếu có phát ra nghiệp suy nghĩ thì người phải phân biệt thọ sinh có lỗi này, giáo cũng chẳng có văn. Nếu pháp tánh thì Lại-da, Như Lai tạng thức hoàn toàn không hợp, vì tự khởi phát tư duy, nên kinh Phật Địa và hai giáo như nhiếp luận của vô tánh khác nhau, vì có nghĩa riêng. Kinh Phật Địa chép: Phải biết có năm pháp gồm thấu địa Đại giác”. Năm pháp đó là thanh tịnh pháp giới, trí đại viên cảnh, trí bình đẳng tánh, trí diệu quán sát, trí thành sở tác. Dưới đây sẽ thứ lớp giải thích:

Cho đến trí thành sở tác chung cho thành tác dụng của ba nghiệp, không có thích hợp thuộc văn riêng A-lại-da, mạt-na, ý thức, năm thức, phân biệt thành chuyển y được bốn thứ trí. Lại, như Nhiếp luận của vô tánh chép: “Do chuyển uẩn thức của tám việc thức A-lại-da được bốn thứ diệu trí, trí đại viên cảnh, như theo thứ lớp số, hoặc tùy thuộc đối tượng thích hợp nên biết, trong đây vì chuyển thức A-lại-da, nên được trí đại viên cảnh. Dù cảnh đối tượng thức không hiện ở trước mà có thể không quên, không hạn chế thời gian, nơi chốn, đối với tất cả cảnh thường không ngu mê, hạnh vô phân biệt, khởi lên thọ dụng ảnh tượng của trí Phật, vì chuyển mạt-na ô nhiễm nên được trí bình đẳng tánh. Khi hiện quán đầu tiên, trước kia đã chứng đắc, chuyển biến ở vị tu đạo, lại thanh tịnh. Do đây, an trụ Niết bàn vô trú, thường tương ưng với đại từ, đại bi, hay thuận theo đối tượng ưa thích ứng hiện ảnh tượng Phật, vì chuyển thức năm quán nên được trí diệu quán sát, đầy đủ tất cả môn Đà-la-ni, môn Tam-ma-địa.

Do tạng như thật, trong đại hội có khả năng thể hiện tất cả tác dụng tự tại, dứt trừ các nghi ngờ, có khả năng giáng xuống trần mưa pháp, vì chuyển ý thức, nên được trí thành sở tác, khắp cả mười phương, tất cả thế giới có thể hiện biến hóa, từ cung trời Đố-Sử-Đa biến mất cho

đến được Niết-bàn, có khả năng hiện trụ trì việc lợi lạc của tất cả hữu tình, nên văn trên đã nói: “Vì thuận theo đối tượng tương ứng nên biết phối hợp chuyển y bốn thức thành bốn trí, nghĩa này không nhất định, chỉ vì ý văn thuận theo nghĩa, làm rõ pháp, nhận lấy một nghĩa của văn kia, không được quyết định, nhưng nhờ hoặc làm rõ phép tắc của vị, thì có thể biết. Nên biết rằng ý giáo, vì phương tiện làm sáng tỏ pháp nên tạo ra thuyết này. Nếu y cứ vào Sơ giáo của Ba thừa thì ý giáo ở đây cũng có thể như thế. Như luận Thành Duy Thức chép: “Ngoại đạo ngờ vực rằng: Nếu tự loại thức mặt-na không phát trí thì trong địa vị Thánh sẽ có một chút”.

Vì đáp nghi vấn này nên có bốn câu:

1. Hoặc có pháp mà phạm Thánh có.
2. Hoặc có pháp phạm có, Thánh không có.
3. Hoặc có pháp Thánh có, phạm không có.
4. Hoặc có pháp phạm, Thánh đều không có.

Phạm, Thánh đều có là năm nghĩa của Như Lai tạng.

Phạm, Thánh đều không có là tánh biến kế.

Phạm không có, Thánh có là thân thường.

Thánh không có, phạm có là thân vô thường.

Đã có câu này, mặt-na, phạm có, Thánh không có đâu có lỗi. Một nghĩa này chỉ cho giáo của Ba thừa nói, giáo không chung chẳng có.

Nếu theo môn Thủ giáo của ba thừa đối với hàng Tiểu thừa, không nói Như Lai tạng không nhiễm mà nhiễm, nhiễm mà không nhiễm, vì thành Lại-da.

20. Giải thích phần danh, giải thích địa thứ mười nghĩa tướng giáo:

Hỏi: Về tướng giáo Nhất thừa được kiến lập ra sao?

Đáp: Tướng nghĩa này khó, ở đây nêu dụ để làm rõ. Như bên trong, ngoài một lầu quán được trang trí hết công sức, mà chỉ có một cổng. Người có trí tuệ có thể gõ mở cổng, bảo cho kẻ không có trí biết. Nghĩa giáo Nhất thừa cũng giống như thế. Tánh khởi trong Thọ tạng, trang nghiêm Nhất thừa, bên ngoài trang nghiêm Ba thừa và Tiểu thừa, có một cổng giác, hướng về dưới cây Bồ đề, chỉ có hai vị nhân quả, hai người: Phật và Phổ Hiền mở cổng nhìn thấy, vì các chúng sinh hữu tình đáng hóa độ, bủa lưới đại giáo, làm cạn kiệt biển sinh tử, đem trời, người, rồng đặt trên bờ Niết-bàn bảo cho biết trong các Tướng giáo, Tiểu thừa kia và giáo ba thừa sao cho chúng sinh sinh niềm tin, khởi sự

tu hành, phần chứng, thị hiện giáo Nhất thừa sao cho sau khi đã thấy, nghe được nhập chứng, nên giáo kia tương tự hình thành trong ngoài và giáo nghĩa khác nhau, tức như chiếc xe bò to lớn đậu bên ngoài ranh giới kinh Pháp Hoa và Địa luận. Địa thứ tám trở lên vẫn tức việc ấy.

21. Nghĩa phân chia xếp đặt của Nhất thừa, giải thích sau bốn mươi vô ngại biện tài:

Hỏi: Nghĩa giáo của Nhất thừa được phân chia xếp đặt như thế nào?

Đáp: Giáo Nhất thừa có hai thứ:

1. Giáo chung.
2. Giáo không chung.

Một là: Nhất thừa Viên giáo đã nói các nghĩa câu văn, đều đầy đủ tất cả, đây là giáo không chung, rộng như kinh Hoa Nghiêm nói.

Hai là: Giáo chung. Tức giáo Ba thừa, Tiểu thừa. Về mặt văn tự dù đồng nhưng về ý đều khác nhau, như đã nói rộng trong các kinh Đại thừa, có thể biết vẫn đối nhau trên, dưới, các giáo, có chung, không chung, như giáo Tiểu thừa nói ba đời có, ba thừa thì không, giáo Ba thừa có, Tiểu thừa thì không. Hoặc Nhị thừa có chung, như phẩm Đạo, v.v... danh số cùng chung. Hoặc Nhị thừa đều không có, tức là giáo Nhất thừa, có thể so sánh mà biết.

22. Lập nghĩa vị Nhất thừa cũng giải thích sau bốn mươi vô ngại:

Hỏi: Sự khác nhau lập vị của các giáo ra sao?

Đáp: lược y cứ vào chế vị nhân quả của Phổ Hiền Nhất thừa khác nhau, có mười bảy môn, sáu đạo thế gian tức là sáu môn, Thanh văn, Duyên giác là hai môn. Hai môn này Phật đồng nương tựa ba mươi ba tâm, y chỉ phát trí bốn thiên được thành Phật. Thập Tín trở lên đến năm vị của Thập Địa, mỗi vị đều thành Phật, tức là năm môn. Một là Thanh văn hồi tâm, chế ngự Mười Địa nữ Càn Tuệ, v.v... lại là một môn. Vì tiến thẳng Bồ-tát từ Thập tín đầu tiên, tu viên mãn Thập Địa, về sau sẽ được thành Phật, thành Chánh giác của một niệm ban đầu, lại là một môn. Ba thừa, Tiểu thừa so sánh có thể biết.

23. Nghĩa phương tiện sáu đường trở thành thanh tịnh cũng giải thích sau bốn mươi vô ngại biện tài:

Hỏi: Nhân quả của sáu đường vốn chẳng phải là vị Thánh, đâu gồm thâu trong môn Phổ Hiền?

Đáp: Nhân quả của sáu đường trái với pháp Thánh, phương tiện của Phổ Hiền trở về thành trái với đạo hạnh và ngược lại với môn hạnh, khiến cho các hữu tình vì dùng phương tiện dựa vào sự nhầm chán được giải thoát.

24. Nghĩa lập tạng khác nhau, giải thích trong phẩm Thập tạng:

Hỏi: Cương lĩnh giáo ba tạng Tu-đa-la đồng, khác như thế nào?

Đáp: Giáo của ba tạng kia được phân tích thành hai nghĩa:

Một là: Vì đối tượng giải thích nên giáo tức là ba. Giải định của Tu-đa-la cho đến giải thích về giới Tỳ-nại-da. Ba thừa, Tiểu thừa đồng với danh số này, nhưng nghĩa sâu, cạn được phân chia, xếp đặt khác nhau.

Hai là: Vì việc làm có hai nên phân chia giáo làm hai, gọi là Đại thừa, Tiểu thừa, chia thành hai tạng: Duyên giác từ Độc giác kia, vì không có giáo nên không gọi là Tạng. Nếu trong Nhất thừa tức có mười tạng, như hội thứ tư đã nói.

25. Giải thích đầu tiên mười thứ rừng rậm, nghĩa là tâm, ý, thức:

Hỏi: Ở trong các giáo, kiến lập sự sai biệt giữa tâm, ý thức ra sao?

Đáp: Nếu theo Tiểu thừa thì chỉ có sáu thức. Về nghĩa được chia ra tâm, ý, thức; nghĩa khác như luận Tiểu thừa đã giải thích.

Theo trong văn sơ giáo của giáo ba thừa lập có Lại-da dị thực thọ huân tập thành hạt giống, cho nên biết được là vì luận Vô Tánh nói: “Nay lập Lại-da dị thực, việc này cũng không có tổn hại. Vì đã biết không có tổn hại, nên biết tam thay lập làm Thanh văn hồi tâm, chưa thấu đạt pháp Không. Tam thay nêu tướng dị thực, dẫn phát dần biến dịch sinh tử của Tiểu thừa, hướng dần tế diệt, thật ra thì không phải như vậy, vì lẽ nếu y cứ ở lý thật, thì tất cả duyên khởi đều không ra khỏi pháp giới, vì sự lý đã thành là công năng của pháp giới. Do như đồ đựng bằng vàng, lia vàng không có đồ đựng là công năng của vàng.

Nói huân tập quả báo: Nói theo vị thì vị này có thể vì suy nghĩ phân biệt, nên luận Khởi Tín chép: Chân như huân tập vô minh, vô minh huân tập chân như, ý này hướng về Phật. Nếu nghĩa như thế thì sao? Luận Du-già chép: Dị thực thọ huân là người ngu nói. Ở trong, ở ngoài không có huân tập, tức không thấy tạng trụ, khả năng biết như thế, đó gọi là Bồ-tát ma-ha-tát, Khởi Tín chép: Đã huân tập chân như, do đâu

giải thích thành huân tập? Nay, hội ý này, Du-già vì đối trị Thanh văn nên trước là dị thức thực, sau biết vô sinh, vì thuận với hạnh quán, nên nay luận Khởi Tín chép: “Vì tiến thẳng Bồ-tát, nên tướng duyên khởi của thức, tức vì hội nhập vô sinh, nên tạo ra thuyết riêng, vẫn y cứ kinh Lăng-già chép: Pháp nhiệm tịnh có khai, có hợp. Nhiệm khai thì thành bảy thức, hợp tức là Lê-da. Tạng thức thanh tịnh của Như Lai cũng có hai nghĩa: Hợp thì thành tám thức, khai thì thành chín thức, nên có tám, chín thứ đạo đối trị của mỗi thứ, khởi có diệt, có không diệt, so sánh với diệt, không diệt này mà biết. Lại, luận Thành Duy Thức chép: Tướng do thức biến ra dù có vô lượng thứ nhưng về loại thức năng biến phân biệt chỉ có ba:

1. Gọi dị thực, tức thức thứ tám, vì nhiều tánh dị thực.
2. Gọi tư lương tức thức thứ bảy, vì luôn xem xét, so lường.
3. Gọi thấu đạt cảnh, tức sáu thức trước, vì thấu đạt tướng thô và nói sáu hợp thành một thức.

Ba thứ này đều gọi là thức của chủ thể biến. Chủ thể biến có hai thứ:

Một là: Nhân của chủ thể biến. Nghĩa là hai nhân dị thực, đẳng lưu trong thức thứ tám. Tập khí, tập khí đẳng lưu. Do huân tập thiện, ác hữu lậu trong sáu thức, khiến tập khí dị thực sinh ra và lớn lên. Do huân tập thiện, ác hữu tình trong sáu thức khiến cho sinh ra và lớn lên.

Hai là: Quả của chủ thể biến, nghĩa là vì năng lực tập khí của hai thức trước, nên có tám thức sinh ra chủng tướng của hiện hạnh, hạt giống, vì đẳng lưu, tập khí làm nhân duyên. Sự khác nhau giữa thể tướng của tám thức mà sinh gọi quả Đẳng lưu. Vì quả giống với nhân nên dị thực, tập khí làm duyên tăng thượng, chiêu cảm thức thứ tám, đáp lại năng lực dẫn nghiệp. Vì thường nối tiếp nhau nên lập ra danh từ dị thực, chiêu cảm sáu thức trước, đáp lại mẫu nghiệp, từ dị thực khởi, gọi là dị thực sinh, không gọi dị thực, vì có gián đoạn nên tức dị thực trước và dị thực sinh, gọi là quả dị thực, vì quả khác với nhân, nên trong đây nói ngã ái chấp tàng, gìn giữ hạt giống tạp nhiễm của thức quả chủ thể biến, gọi là Dị thực, chẳng phải cho rằng tất cả thức mạt-na kia đều dựa vào giáo của Ba thừa, có thức kia khởi bốn hoặc, chẳng khởi pháp chấp, ngu pháp, Thanh văn không đoạn dứt, chỉ chế phục tạm tâm trên. Do trí quán nông cạn nên Thanh văn lui sụt tâm Bồ-đề và Thanh văn hồi tâm đều đoạn mạt-na vì trí quán vượt hơn.

Giả sử sau Du-già, phân biệt nói thức lại-da khởi, tất nhiên sẽ tương ứng với hai thức ấy, đây là y cứ vào thời điểm khởi đầu, không y

cứ ở trạng thái nối tiếp sau.

Y cứ vào vị để nói nghĩa tiến thẳng Bồ-tát nên chẳng khởi làm chánh nghĩa, vì người hồi tâm khởi là chánh nghĩa. Lại, hồi tâm đầu tiên, Bồ-tát vì để lại hoặc nên theo nhau đến định Kim cương mới dứt. Tiến thẳng: nghĩa là tập khí đến trước Kim cương. Nói đến là y cứ hai A-hàm mà nói, đầu tiên là đối với Tiểu thừa nên nghĩa khác so sánh có thể biết, ý thức và năm thức hoặc đồng, hoặc khác như kinh, luận nói, nghĩa tâm sở như dưới đây sẽ nói riêng.

Văn này ở Ba thừa, nghĩa chung cho Nhị thừa, vì dụng đồng với pháp giới. Lại, một giáo chỉ nhất tâm, vì làm rạn vỡ tánh khởi đủ đức như phẩm Tánh Khởi nói. Lại nói: Mười tâm vì muốn làm sáng tỏ vô lượng nên như địa thứ chín nói. Ở đây, là nói theo Biệt giáo Nhất thừa.

26. Nghĩa loại khác nhau của các kinh bộ, giải thích các văn gom góp của phẩm Tựa:

Hỏi: Loại khác nhau của các bộ kinh ra sao?

Đáp: Như bốn bộ kinh A-hàm cuộc hạn giáo Tiểu thừa. Kinh Chánh Pháp niệm nêu hạnh giải chánh, phân biệt hạnh giải tà, giáo ba thừa chung, kinh Niết-bàn và kinh Đại Phẩm, Chung giáo của Ba thừa, vì căn cơ thành thực, vì nói cho Thanh văn nghe, nên Kim Cương Bát-nhã là Thủ giáo của Ba thừa, hội đầu ngu pháp, vì Thanh văn nên ý nghĩa ở văn. Duy-ma Tư Ích, Nhân vương, Thắng Thiên Vương, Ca-diếp Phật Tạng vì Bồ-tát tiến thẳng mà nói, tiến thẳng có hai thứ:

1. Tiến thẳng trong Đại thừa.
2. Bồ tát tiến thẳng trong Tiểu thừa.

Giáo tiến thẳng hai chỗ này cũng có đồng, khác, theo như sự gồm thâu có thể biết.

Bộ kinh Hoa Nghiêm là giáo không chung của Nhất thừa, kinh khác là giáo chung, vì Nhất thừa, ba thừa, Tiểu thừa y chỉ chung. Lại, Hoa Nghiêm là chủ, kinh khác là quyền thuộc. Do đó, so sánh về nghĩa tướng giáo của các bộ cũng có thể hiểu. Như nghĩa tông của kinh Pháp Hoa là kinh Nhất thừa, Ba thừa ở trong ba cõi vì hoàn thành công hạnh của mình. Nhất thừa ngoài ba cõi, làm thấy, nghe cho ba cõi, nghĩa khác so sánh có thể biết.

27. Giải thích trong địa thứ tư, ý nghĩa của phẩm Đạo:

Hỏi: Phẩm đạo các giáo khác nhau như thế nào?

Đáp: Danh số phẩm đạo của tiểu, thừa lược có ba mươi bảy thứ,

danh số phẩm đạo của Ba thừa cũng đồng, chỉ nghĩa có khác, có nói rộng ở kinh luận.

Nghĩa hai ngàn câu của phẩm Ly Thế Gian trong kinh Hoa Nghiêm, phẩm Đạo của Nhất thừa tức là danh tự, kể cả thể tánh. Lại hỏi:

Phẩm đạo Nhất thừa đã là thể riêng của danh số, cũng cần nhân riêng, đâu có nghĩa đồng với Ba thừa?

Đáp: Y cứ ở phần lượng của nghĩa sâu, cạn, rộng, hẹp đều khác nhau. Nay, nêu môn nghĩa có khác nhau, danh tự có đồng, vì muốn dẫn dắt tin ưa Ba thừa, số nói chung của các giáo có thêm bớt cũng y theo đây mà biết.

28. Giải thích sau phẩm Tánh khởi, nghĩa Niết bàn:

Hỏi: Sự khác nhau giữa Niết-bàn của các giáo như thế nào?

Đáp: Niết bàn của Tiểu thừa có hai thứ: là hữu dư, và vô dư. Hữu dư, là thân trí có thừa. Vô dư, nghĩa là thân trí không có thừa, là Thân trí của báo thân.

Niết-bàn của ba thừa lược có bốn thứ:

1. Niết-bàn tánh tịnh.
2. Niết-bàn phương tiện tịnh.
3. Niết-bàn hữu dư.
4. Niết-bàn vô dư.

Tánh tịnh tức pháp thân phương tiện thanh tịnh, tức ứng thân. Hữu dư, vô dư là y cứ vào hóa thân.

Nói về thể tướng của nghĩa ba thân kia, khác với Tiểu thừa. Nếu đối với đức của ba thân kia đều thành pháp thân, Bát-nhã, giải thoát. Ba đức đã đồng không có thêm lớn. Bốn thứ Niết-bàn này chỉ cuộc hạn ở quả đức. Niết-bàn Vô trú xứ chung cho nhân và quả. Niết-bàn này có hai thứ:

Y cứ về lý, so lường, phân tích làm hai cách giải thích, như Nhiếp luận. Nếu giáo Nhất thừa thì chỉ có một đại bát Niết-bàn, không có khác nhau, có nói rộng trong kinh Hoa Nghiêm. Danh số của dụng đức cũng đủ mười và tất cả, bình đẳng với pháp giới.

29. Giải thích trong địa thứ hai, ý nghĩa giới học:

Hỏi: Các giới học, v.v... có khác nhau như thế nào?

Đáp: Tùy thuộc vào sự khác nhau của con người, có tám thứ, tám giới và bảy chúng đã giữ giới, chung thành một giới biệt giải thoát, vì với đạo định riêng, vì tu trì riêng, nên gọi là biệt. Hai giới định, đạo

chung cho biệt giải thoát ở trước, chung thành ba giới. Ba nghiệp của ba giới này cũng chung, vì tùy thuộc vào đối tượng tương ứng. Bồ-tát Ba thừa có riêng ba giới, nghĩa là mười vô tận giới, hai mươi bốn giới, bốn giới Ba-la-di, ba giới này. Bốn giới ba-la-di người xuất gia thọ, hai giới còn lại là người thế tục thọ. Trên, dưới chia làm hai, tương nghĩa như đây. Thế giới hoặc năm thứ, mười điều lành, hoặc biểu, vô biểu, vô biểu tức lý, sự, sắc, tâm bất tương ứng, hoặc tức Nhất thừa vì ứng với pháp giới.

30. Giải thích trong ba địa, ý nghĩa định học:

Hỏi: Môn định có gì khác?

Đáp: Như tám thiền định với Tiểu thừa, gọi là đại đồng, trong đó tùy thuộc ở tà chánh của con người và phát dòng trí có dòng, không có dòng khác nhau, tức thể tánh đều khác.

Y cứ vào môn Thánh, Nhất thừa và Ba thừa, đều là vị của các Tiểu thừa, đều dùng chung định này. Tùy thuộc sự đã thành, khác với đặc, gọi là riêng. Trong vị ba thừa tiến thẳng Bồ-tát có riêng tám định. Trước địa có bốn, như định Quang Đức, v.v... trên địa có bốn, như Thủ-lăng-già-ma, v.v...

Theo giáo Nhất thừa có mười thứ, như Hoa Nghiêm chép: “Thể tánh, đức lượng đều khác nhau”.

31. Nghĩa tuệ học, giải thích xử trí trong địa thứ chín:

Hỏi: Môn tuệ có gì khác?

Đáp: Kiến, tu của Tiểu thừa và tám nhãn, tám trí v.v rộng như luận nói. Trong giáo ba thừa, hoặc có mười một trí, hoặc ba trí. Nếu dùng nghĩa để cầu mười một trí thì phần nhiều là tâm hồi chuyển, tỏ ngộ dần về nhân, nói là vì phương tiện khởi tín của người kia. Trí gia hạnh là nói tiến thẳng Bồ-tát, đối với sự nhập đạo của người kia vì có phương tiện vượt hơn.

Nếu theo Nhất thừa thì có mười thứ trí, như phẩm Ly Thế Gian nói. Sở tri của trí là các đế, môn nghĩa khác nhau của mười hai nhân duyên, rộng như số nói.

32. Đầu tiên giải thích về thiện tri thức, ý nghĩa Hiền Thánh:

Hỏi: Sự khác nhau giữa Hiền Thánh trụ đạo, trụ quả như thế nào?

Đáp: Theo giáo Tiểu thừa có hai mươi bảy bậc Hiền Thánh rộng như Tỳ-đàm, Thành Thật, v.v... nói. Hiền Thánh của Ba thừa có bốn

mười hai vị, Hiền Thánh của Nhất thừa có bốn mươi lăm vị. Đây là pháp môn nhân quả chung cho nhân, pháp, hạnh vị, sự, lý này. Nếu chủ, bạn được chia riêng, thì có một trăm mười. Nếu nói cách phân tán đối tượng nương tựa thì Tam thiên Đại thiên thế giới nhiều như số bụi nhỏ, tức là thiện tri thức.

33. Giải thích trong phẩm Thập minh, ý nghĩa nhóm sắc:

Hỏi: Văn của sắc các giáo có gì khác nhau?

Đáp: Y cứ vào sắc Tiểu thừa có mười một, sắc của ba thừa có hai mươi lăm.

Sắc Nhất thừa chung, riêng có một trăm mười thứ. Huýnh sắc trong sắc ba thừa, tình nghĩa là sắc ngoài chướng. Sắc ảnh tượng, tâm định thành tựu cảnh giới của sắc, người kia nhớ giữ sắc trước kia và sắc mà mắt nhìn thấy.

Sắc Nhất thừa như phẩm Thập minh đã giải thích, không đồng với sắc phàm cảnh giới Thánh.

34. Nghĩa bất tương ứng, giải thích trong thuyết thành tựu của chín địa:

Hỏi: Theo Tiểu thừa có mười bốn bất tương ứng, theo giáo ba thừa có hai mươi bốn bất tương ứng. Dựa vào nghĩa bất tương ứng của giáo Nhất thừa bình đẳng với pháp giới. Vì sao? Vì bất tương ứng của Tiểu thừa như gọi là pháp có thật. Bất tương ứng của ba thừa chỉ có sắc, tâm duyên phát, nghĩa lý hiện tiền mà không đối với sự là nghĩa bất tương ứng, bất tương ứng chẳng tương ứng với sự sắc, tâm, được bất tương ứng, nghĩa là sự kia khác với hiện tiền không được lý. Ba thừa, Nhất thừa không có đại đặc đặc tiểu đặc, tiểu đặc đại đặc. Vì sao? Vì Nhất thừa, ba thừa lập pháp số v.v... Muốn ngăn cấm nghĩa là vì tình. Nếu đại, tiểu tương đặc thì có lỗi vô cùng.

Danh và câu không tương ứng, giải thích đủ ở luận tạp tập, nghĩa bất tương ứng của Nhất thừa, danh số đồng đẳng với pháp giới. Về lý, cũng vô cùng như pháp giới.

35. Giải thích trong mười tâm, sau Sơ địa, nghĩa ba tánh, ba vô tánh:

Hỏi: Tướng khác lạ của ba tánh, ba vô tánh mà kinh luận đã nói như thế nào?

Đáp: Ý vốn an lập pháp môn ba tánh, muốn phân biệt pháp tướng

để biết giới hạn ý nghĩa của hạnh giải, lý sự kia được phân chia, xếp đặt khác nhau, vì lìa chấp ngã mạn, nên khởi giáo này. Nay, y cứ vào Nhiếp luận dẫn bốn kinh khác, nói về tướng quả của ba tánh, tức là phép tắc đại.

1. Dẫn kinh Tỳ-Phật-lược nhằm nói có ba tánh.

2. Dẫn kinh Bà-la-môn Vấn đề chứng minh có ba tánh.

3. Dẫn A-tỳ-đạt-ma, Tu-đa-la để chứng minh có ba tánh.

4. Lại nữa, có chỗ Thế Tôn nói đẳng dẫn có ba pháp Thánh giáo thường, vô thường để chứng minh có ba tánh.

Lại, một là sự khác nhau của nghĩa văn trước kia, là vì biết giải thích pháp tướng của ý chỉ. Hai là ba tánh tương theo nhau vì làm sáng tỏ lý, vì lưu thông chẳng có tánh. Ba là phân biệt đủ, đảm nhiệm làm sáng tỏ, lưu thông sự tướng vì không có ngăn ngại. Thánh giáo gọi chung vì dùng lý lãnh hội giáo trở thành trí.

Nếu tánh phân biệt có dụng của một nghĩa của nó thì sẽ không có phẩm loại nào làm thể của nó.

Không có tánh tướng khác nhau sao?

Đáp: Nếu phân biệt thật tướng tức không là tánh phân biệt. Không biểu hiện thật tướng là tánh vô tướng. Nếu theo Nhiếp luận nói về tướng khác nhau của ba vô tánh thì sẽ có ba thứ:

1. Tự chẳng phải vô tánh, vì thể của pháp bản hữu không tự hiện ở trước, mà phải nhờ vào nhân, dựa vào duyên, mới sinh được, vì quả không có tự sinh, nên gọi là không có tánh, nghĩa này chung cho ba tông.

2. Thể chẳng thật có, vô tánh, nói thể của các pháp, bản tánh chẳng thật có, nếu rơi vào quả vị thì sẽ không có tự thể, chỉ khi nào có đủ nhân duyên mới bắt đầu hiện ở trước. Pháp hữu vi hiện tại giả có, chẳng thật, mỗi niệm dời đổi khác, không thể tự dừng lại. Đây cũng là phân thành Phật. Vì nghĩa vô ngã, nên gọi là vô tánh, đây là chung cho thành Phật, kể cả Đại thừa.

3. Như thủ, không là hữu, y cứ vào lý pháp vô ngã của bản thức kia, ba tánh không có hình thành, không có tánh. Do tự thể quyết định tự chẳng thật có, có không là hai, vì không lìa bỏ hết các phân biệt, chẳng phải báo sinh ý thức thiện của địa thượng văn tư, tu, cảnh giới đối tượng duyên của trí, nên gọi là vô tánh, nghĩa này chỉ có Đại thừa.

Ba tánh này ấn định chung là một, riêng là bốn, rộng thì vô lượng. Nếu đối với hạnh giải thì sẽ dùng ba tánh để ấn định sau ba tánh, nói riêng ba vô tánh. Đây là nói lược giải để nói: Nếu sau hai tánh thì sẽ nói

về vô tánh, lại không hội được tánh chân thật. Đây là y cứ vào hạnh để nói, so sánh như thế có thể biết.

Văn này ở Ba thừa, cũng chung cho dụng của Nhất thừa. Vì sao? Vì pháp này thích ứng với dụng vô biên của tánh pháp giới.

36. Giải thích đầu tiên rừng rậm, nghĩa của tâm sở và tâm sở hữu pháp:

Hỏi: Bậc Thánh lập tâm sở và tâm sở hữu pháp phân chia, xếp đặt như thế nào?

Đáp: Nay, giải thích hai môn phân biệt pháp sở hữu của tâm.

1. Y cứ chung Đại, Tiểu thừa nhằm biểu thị rõ nghĩa của tâm sở hữu và pháp tâm sở.

2. Đối với Nhị thừa kia chỉ rõ bỏ, lập tâm sở.

Trước nói về tâm sở hữu pháp của Đại, Tiểu thừa. Theo Đại thừa có sáu vị:

1. Biến hành có năm:

1. Tác ý.
2. Xúc.
3. Thọ.
4. Tưởng.
5. Tư.

2. Biệt cảnh có năm:

1. Dục.
2. Thắng giải.
3. Niệm.
4. Tam-ma-địa.
5. Tuệ.

3. Thiện có mười một:

1. Tín.
2. Tàm.
3. Quý.
4. Vô tham.
5. Vô sân.
6. Vô si.
7. Cần.
8. Khinh an.
9. Không buông lung.
10. Xả.

11. Bất hại.

4. Đại thiên nào có mười:

1. Tham.
2. Sân.
3. Mạn.
4. Vô minh.
5. Nghi.
6. Tát-ca-da kiến.
7. Biên kiến.
8. Kiến thủ.
9. Giới thủ.
10. Tà kiến.

5. Tùy thiên nào có hai mươi:

1. Phẫn.
2. Hận.
3. Phú.
4. Não.
5. Tật.
6. San.
7. Cuống.
8. Siểm.
9. Kiêu.
10. Hại.
11. Vô tà.
12. Vô quý.
13. Hôn trầm.
14. Trạo cử.
15. Bất tín.
16. Biếng nhác.
17. Buông lung.
18. Vọng niệm.
19. Bất chánh tri.
20. Tán loạn.

6. Bất định có bốn:

1. Thùy miên.
2. Ác tác.
3. Tầm.
4. Từ.

Gồm năm mươi lăm pháp Thêm bớt: luận Bách Pháp hợp năm kiến thành một, Luận Du-già thêm tà dục, tà thắng giải.

Thêm, bớt như các luận, sâu sắc có ý riêng, hãy suy nghĩ so sánh.

1. Lược dùng ba môn để phân biệt:

1. Giải thích tên gọi, phân biệt về tướng mạo, nhằm nói về sự phân chia, xếp đặt.

2. Đối với các môn để phân biệt.

3. Y cứ vào tự thừa, tùy thuộc vào nghĩa để phân biệt. Môn thứ nhất, biến hành có hai nghĩa:

Một là: Vị mình, tướng do khắp, như năm pháp riêng mình, một không có, tất cả là không, giải thích lẫn nhau cũng như vậy, nghĩa có cũng như thế.

Hai là: Vị người khác, phân chia xếp đặt ngang nhau cùng khắp, hễ kia có thì đây có, vẫn không đồng với ở đây.

Vì sao? Vì có thời gian, có biến hành này, không có thời gian, không có pháp sở hữu, nên biết.

Biến: là Phân bố, xếp đặt ngang nhau.

Hành: Khởi ở duyên cảnh.

Đây gọi là từ nghĩa ban đầu mà được.

Tướng mạo: Năm pháp nối tiếp nhau, không lia bỏ nhau. Hành ở trong duyên là tướng mạo.

Giới hạn, phạm vi, cho đến ở chỗ sáu vị, hành do tướng nối nhau của vị mình. Năm vị còn lại chẳng phải nối tiếp nhau mà là bạn của nhau.

2. Biệt cảnh có hai nghĩa:

1. Tướng của vị mình riêng lẻ như dục, chẳng phải thắng giải. Có thời gian, có dục mà không có thắng giải, cho đến tuệ, v.v... không có lẫn nhau cũng vậy.

2. Y cứ vào vị riêng như vị thiện, có thiện mà không có dục, có dục mà không có thiện, nên thuộc về riêng, vẫn là danh từ biệt cảnh này từ nghĩa đầu tiên mà được.

Biệt đều là riêng lẻ chẳng phải nghĩa nối tiếp nhau.

Cảnh là phân chia giới hạn xếp đặt, chẳng phải cảnh đối tượng duyên. Đây là vì đối với biến hành nối tiếp nhau trước kia nên được gọi là biệt cảnh.

Tướng mạo: Hành riêng của năm pháp tướng, là tướng mạo. Phân chia, xếp đặt giới hạn cho đến sáu vị bất định đều hiện hành chung,

riêng, là giới hạn phạm vi. Trong các vị, có lúc có dục mà không có thắng giải cho đến tuệ, lẽ ra có thể so sánh mà biết.

3. *Thiện nghĩa là tánh, từ thể mà được tên riêng*: Vì chung với trước nên rốt cuộc thể hiện được gọi tên.

Tướng mạo: Đối với vị có dòng, không có dòng, khác với thiện, ác và vô ký là tướng mạo của thể thiện.

Phân chia giới hạn xếp đặt cho đến xứ sáu vị bất định hành đều khác nhau, chẳng phải khởi một cách nối tiếp nhau, mà có lúc có một, nhưng không có mười, mỗi thứ biện luận có, không lẫn nhau, có tăng giảm trở thành sự phân chia xếp đặt của hành kia.

4. *Phiền não, từ tác dụng mà được gọi tên*: do phiền não đối với nghĩa công dụng mạnh mẽ của thế gian, xuất thế gian, đối với pháp thế gian có thể trở thành pháp xuất thế, vì có công năng làm hư hoại khác với thể thiện ở trước nên từ dụng được gọi tên.

Tướng mạo, đối với xứ, vị của mình trở thành hai tướng: lo, mừng, là tướng mạo của phiền não.

Phạm vi giới hạn, cho đến nghĩa số của sáu vị bất định, công dụng thêm bớt mà vận hành, chẳng phải nối tiếp nhau mà là bạn chung, là sự phân chia giới hạn xếp đặt.

5. *Tùy phiền não*: Từ tướng phiền não mà được gọi tên, tùy phiền não này có hai lý do:

a. Do hoặc đại trước thành tùy phiền não.

b. Do hoặc tiểu này tăng thêm trở thành hoặc đại nên gọi là tùy, vẫn chỉ tùy này từ nghĩa đầu tiên mà được.

Vì sự giả hợp này nên phiền não đồng với cách giải thích trước.

Tướng mạo ở trong duyên của mình đều khác nhau mà là bạn giúp nhau, chứ chẳng phải khởi liên tục nối nhau, là tướng mạo của tùy phiền não.

Về phạm vi giới hạn, đối với sáu vị phiền não, cho đến tướng bất định, do nghĩa tướng số của bạn giúp nhau thêm bớt, có không mà hiện hành, là phạm vi giới hạn của tùy phiền não.

6. *Bất định, vì hai nghĩa thể, dụng nên nói là bất định*: vì khác với thể của định trước, nên được gọi là bất định. Tướng mạo ở trong vị của mình đều khác nhau mà khởi. Thể dụng của ba tánh đồng thời thành:

1. Pháp có ba nghĩa, sự dụng đồng thời của thiện, ác, vô ký là tướng mạo của bất định.

Phân chia giới hạn xếp đặt, nghĩa số ở trong sáu vị thêm bớt, khởi dụng mà sinh, là sự phạm vi giới hạn, của sáu vị phiền não, vẫn chẳng

phải nối tiếp nhau mà là bạn giúp nhau.

2. Đối với các môn phân biệt, sơ lược đối với năm môn:

Y cứ vào thừa để phân biệt.

Y cứ vào ba tánh để phân biệt.

Y cứ vào các hoặc để phân biệt.

Y cứ vào các thừa để phân biệt.

Y cứ vào giả, thật để phân biệt.

a. Y cứ vào thừa để phân biệt: Thừa có ba thứ:

Một là: Nhất thừa.

Hai là: Tam thừa.

Ba là: Tiểu thừa.

Nay, tâm sở này là tâm sở của ba thừa, vì đối trị phiền não của tâm thế gian, xuất thế gian, chẳng phải một, chẳng phải tiểu, chẳng phải Chung giáo của Ba thừa, chẳng phải Biệt giáo của Nhất thừa. Y cứ chung giáo của Ba thừa, giáo Đại thừa và tâm sở trong Biệt giáo của Nhất thừa, tức có vô lượng, đều như số lượng của pháp giới duyên khởi. Vì sao? Vì các loại tâm sở, mỗi loại tâm sở duyên riêng. Y cứ vào duyên kia khác nhau, vì không thể nói chung nên không đồng với số mà Ba thừa đồng nói chung. Tâm sở một phần tử của Ba thừa, vì đối trị với chướng phiền não, chướng sở tri, phiền não của tâm thế gian mà nói, vẫn ba thừa này có thì, có chung. Tâm sở của Nhị thừa Chung giáo cũng không thể nói, tâm sở của thì giáo tức như Chung giáo này.

Du-già, luận Đối Pháp chép: “Sự đồng, khác của tâm sở Tiểu thừa như dưới đây sẽ giải thích riêng.

b. Y cứ vào ba tánh có hai:

Một là ba tánh thiện.

Hai là ba tánh biến kế.

Ba tánh thiện: biến hành có năm, chung cho ba tánh, vẫn tùy thuộc ở một tánh, chẳng phải hai tánh còn lại.

Biệt cảnh có năm, chung cho ba tánh, vẫn tùy thuộc nhiều ít không nhất định đối với năm pháp của một tánh.

Mười một thiện chỉ có tánh thiện, vẫn chung cho dòng, không dòng. Nếu đối với dòng thì chẳng phải không có dòng, không có dòng cũng như thế. Phiền não chung cho bất thiện và vô ký, vì thức mạt-na và hoặc của địa định, là vì vô ký, nên hai mươi tùy phiền não, chung cho bất thiện và vô ký, so sánh với trước có thể biết.

Nếu y cứ trái với lý, bất thiện chỉ là tánh bất thiện, bốn pháp bất định chung cho ba tánh, lúc bất thiện thì hai tánh còn lại, so sánh với

trước có thể biết, hai tánh còn lại cũng như vậy.

Y cứ vào ba tánh biến kế, nghĩa là năm biến hành chung cho ba tánh, vẫn tùy thuộc ở một tánh thì gồm thâu hai tánh còn lại, thành một tánh này. Tánh này như đã nói trong nghĩa ba tánh, tùy thuộc một tánh nối tiếp nhau đủ năm.

Năm biệt cảnh chung cho ba tánh, vẫn tùy thuộc ở một tánh thì chẳng phải thuộc về hai tánh còn lại, đồng với thuyết trước.

Mười một món thiện chỉ có Viên thành thật, thiện này có cả lậu, vô lậu, bao gồm như thuyết trước đã nói.

3. Y cứ vào các hoặc để phân biệt, gồm có ba môn:

a. Y cứ vào ba hoặc như da, v.v... để phân biệt.

b. Y cứ vào hai chương: phiền não, sở tri để phân biệt.

c. Y cứ vào năm trụ địa để phân biệt.

Phân biệt ba hoặc như da, v.v...: Biến hành chung cho ba hoặc, biệt cảnh cũng chung cho ba. Thiện v.v... chẳng phải ba hoặc, phiền não cũng là da, thịt. Nếu y cứ vào sự gởi gắm ở vị, thì chung cho ba, tùy phiền não cũng là da, thịt. Nếu nói theo thô, tế thì chung cho tâm da thịt. Bốn bất định cũng chung cho tâm da, thịt.

Vì duyên thành ba hoặc nên phân biệt hai chương: phiền não, và sở tri: Biến hành chung cho hai chương, biệt cảnh cũng giống như thế.

Thiện v.v... chẳng phải hai hoặc, phiền não chỉ có phiền não, tùy phiền não v.v... cũng giống như vậy.

Nếu y cứ vào tướng để thành lập môn thì chung cho hai chương, bất định chỉ có sở tri. Nếu y cứ vào tướng trở thành môn thì sẽ chung cho hai chương. Y cứ vào năm trụ địa để phân biệt thì biến hành chung cho năm trụ. Biệt cảnh cũng chung khắp. Thiện v.v... chẳng phải năm trụ, phiền não chung cho năm trụ, tùy phiền não cũng chung cho năm trụ, nghĩa như thế có thể y theo. Các hoặc chương sẽ phân biệt rộng, bất định chung cho năm trụ vì duyên thành các hoặc.

4. Y cứ các thức phân biệt, nghĩa là thức Lại-da khởi biến hành có năm. Thức Mạt-na khởi chín, biến hành năm và ngã kiến, ngã ái, ngã mạn, vô minh, ý thức khởi sáu vị sở hữu pháp như biến hành v.v... Năm thức thì bất định, hoặc đầu tiên năm, hoặc tất cả. Do hoặc đồng thể, hoặc khác thể với ý thức nên kinh nói: “Có một ý thức duyên chung cảnh với năm thức”.

Đây là y cứ vào tướng thô thi giáo của ba thừa. Nếu y cứ vào Chung giáo của ba thừa để nói thì Lại-da sáu thức v.v... đều khởi tất cả pháp sở hữu. Vì chỉ có một thức thành mười một thức.

5. Giả, thật phân biệt: Giả thật có ba:

a. Y cứ vào duyên để giải thích quả thật. Nếu y cứ vào nghĩa này hoặc có phân biệt, hoặc không có phân biệt, vì duyên thành nên là phân biệt, vì ứng giáo nên có phân biệt. Nếu y cứ vào nghĩa này đều chung cho giả thật, tức vì không có tánh nên thật, vì duyên thành cho nên là giả.

b. Y cứ vào gốc, ngọn để nói về giả, thật. Phiền não là gốc, tùy phiền não là ngọn, như giải thích có thể biết.

c. Y cứ vào sự làm sáng tỏ lý, giải thích giả thật, sự lý tương ứng là thật, chỉ có lý không có sự là giả. Giả từ sự giáo để nói.

6. Tùy thuộc nghĩa để phân biệt:

Hỏi: Các pháp sở hữu của tâm có thể nói đoạn hay chẳng?

Đáp: Biến hành và biệt cảnh tương ứng với bất thiện, vô ký, nghĩa là đoạn, thiện và tự tánh vô ký không đoạn, mười một thiện không đoạn. Phiền não và tùy phiền não nói đoạn. Bốn bất định v.v... bất thiện, vô ký nói đoạn, thiện và tự tánh vô ký không nói đoạn.

Đây là y cứ vào Sơ giáo của ba thừa và trí pháp trụ để nói. Nếu y cứ vào Chung giáo và Nhất thừa thì chẳng phải trước, chẳng phải ở chính giữa, sau. Vì gồm đầu trước, giữa, sau nên tức đoạn mà không có tướng. Vì chẳng thể đoạn nên nghĩa khác đều y theo không có tướng.

Hỏi: Vì sao luận nói phiền não có chỗ nói sáu, có chỗ nói mười?

Đáp: Do năm sử lợi có hai nghĩa:

Một là nghĩa gốc ngọn, do biên kiến dựa vào thân kiến mà sinh. Do dựa vào gốc nói gồm thân ngọn, vì ngọn từ gốc nên chỉ nói sáu.

Hai là nghĩa khởi dụng trở thành lỗi, vì nghĩa trở thành lỗi nên chi ly nói mười.

Vì sao luận chép: Trong tùy phiền não nói thêm tà dục, tà thắng giải?

Đáp: Vì dục và thắng giải trong biệt cảnh đối với hoặc đại, tiểu có phương tiện và sau cùng trở thành hai xứ, đều trở thành lỗi. Vì y cứ là hai tánh, nên y cứ vào phương tiện và sau cùng trở thành hai số.

Thứ đến, là y cứ Tiểu thừa để phân biệt. Có ba nghĩa:

1. Giải thích tên gọi: Nói về tướng mạo và biểu thị rõ giới hạn phạm vi.

2. Phân biệt đối với các môn.

3. Y cứ vào tự thừa, thuận theo nghĩa để phân biệt. Đầu tiên, là giải thích tên gọi: pháp tâm sở có bốn mươi sáu, phần đại là sáu.

- Một chung cho đại địa có mười:

1. Tưởng.
2. Dục.
3. Xúc.
4. Tuệ.
5. Niệm.
6. Tư.
7. Biếng nhác.
8. Nhớ lại.
9. Định.
10. Thọ.

- Địa đại thiện có mười:

1. Vô tham.
2. Vô sân.
3. Tàm.
4. Quý.
5. Tín.
6. Khinh an.
7. Không buông lung.
8. Bất hại.
9. Tinh tấn.
10. Xả.

- Tiểu phiền não Đại địa có mười:

1. Phẫn.
2. Hận.
3. Cuống.
4. San.
5. Tật.
6. Nã.
7. Siểm.
8. Phú.
9. Kiêu.
10. Hại.

- Đại phiền não Đại địa có năm:

1. Bất tín.
2. Biếng nhác.
3. Vô minh.
4. Trạo cử.
5. Buông lung.

- Bất thiện Đại địa có hai:

1. Vô tâm.
2. Vô quý.

- Sử có bốn:

1. Tham.
2. Sân.
3. Si.
4. Mạn.

- Triền có ba:

1. Thù.
2. Miên.
3. Hối.

Thêm giác quán, tổng cộng thành bốn mươi sáu, và tâm vương là bốn mươi bảy.

Đầu tiên, chung cho danh từ đại địa, do mười tướng, v.v... chung cho các tâm sở, cho là chung với y và hiện hành chung xứ y, duyên của các số, nên nói là chung, nếu chung thì tác dụng của năng lực cùng khắp.

Đại địa là tên dụ, như mặt đất có công năng sinh ra và nuôi lớn muôn vật làm y chỉ, vì tương tự với pháp nên làm dụ.

Tướng mạo với đối tượng duyên của mình, khởi thể dụng của pháp kia, giúp đỡ bạn lẫn nhau mà vận hành, là tướng mạo của pháp kia.

Về phạm vi giới hạn, đối với các tâm sở, các vị hiện hành chung mà không rời nhau, đó gọi là phạm vi giới hạn.

Đại địa thiện: Đối với xứ, vị của mình, tùy duyên mà phát, thiện không tương ứng với ba nhóm sắc, tâm, dùng làm xứ y chỉ, nên nói là đại địa.

Đại địa tiểu phiền não: Đối với xứ, vị mình, y cứ vào duyên phân biệt khởi, không có tánh đại, gọi là tiểu. Phiền não như giải thích ở trước.

Tướng mạo, đối với xứ duyên của mình với thể dụng hiện hành mà không rời nhau gọi là tướng mạo.

Phân chia giới hạn xếp đặt, đối với các vị, xứ, kể cả sắc tâm sở thành sự của mình, người mà không đồng với họ, gọi là phạm vi giới hạn. Đại địa như trước đã giải thích.

Đại địa đại phiền não, đủ năm nghĩa tương ứng với kiết, phược, v.v... gọi là đại phiền não. Đại địa, như trước đã giải thích. Tướng mạo, như năm bất tín, v.v... đối với xứ duyên của mình, thể dụng hiện tiền mà

chẳng tạp nhập nhau, là tướng mạo của đại phiến não.

Về phạm vi giới hạn, đối với các vị, thành sự của mình, người mà không tạp nhập nhau, là phạm vi giới hạn kia.

Đại địa bất thiện, đối với xứ, vị của mình khởi thể dụng của mình trái với chánh lý của mình, gọi là đại địa bất thiện, như trước đã giải thích.

Tướng mạo, không có hổ, không có thẹn, đạo khắp các cảnh, khởi các lỗi nghiệp, là tướng mạo kia.

Về phạm vi giới hạn, đối với vật xúc chạm vì duyên người khác, trở thành trái mà không thuận theo, gọi là phạm vi giới hạn.

Sử, nghĩa là sai khiến, sai khiến người tu hành hoàn thành sự nghiệp của mình. Đây là từ dụ mà gọi tên.

Tướng mạo, đối với xứ duyên của mình hoàn thành sự nghiệp của mình, theo đuổi mãi không bỏ, là tướng mạo của sử giả kia.

Về phạm vi giới hạn, đối với xứ vị duyên người khác thành lập sự nghiệp, là cùng cực mà không đồng với người kia, là phạm vi giới hạn của mình.

Triền, danh, nghĩa của dụ, như xiềng xích ràng buộc voi. Triền ràng buộc như thế.

Tướng mạo, đối với vị duyên người khác nối tiếp nhau thành lỗi, là tướng mạo của triền kia.

Về phạm vi giới hạn, thành xử sự người khác, xứ mà không đồng với họ, là phạm vi giới hạn kia.

Giác quán: Trái với sau, dịch là tâm, tứ, v.v... danh nghĩa ít có khác. Giác là giác sát, quán là quán thấu suốt. Tâm là tìm kiếm, theo đuổi. Từ là dò xét, tìm tòi danh nghĩa, tướng mạo, phạm vi giới hạn, có thể biết. Tâm vương là tâm làm y chỉ cho số. Lại dựa vào số mà khởi như vua, quan nương tựa nhau. Đây là từ pháp mà dụ.

Tướng mạo, sáu thức đối với các căn, hiểu biết các cảnh giới, đó gọi là tướng mạo.

Về phạm vi giới hạn, dựa vào căn số khởi mà không đồng với căn số, đó gọi là phân giới hạn.

Hỏi: Nghĩa tâm sở hữu trong Đại thừa, Tiểu thừa và nghĩa của tâm sở có gì khác nhau?

Đáp: Số, nghĩa của pháp số là nghĩa phân chia giới hạn xếp đặt, nghĩa tâm sở hữu là thuộc về nghĩa của người khác từ tướng sinh, hai trí giả và thật kia khác nhau, cả hai lược đối với các môn phân biệt:

1. Đối với các thừa phân biệt, tâm sở này chỉ ở nghĩa Tiểu thừa

chung cho Đại thừa. Nếu nhập Đại thừa thì đối với xứ tiền phương tiện của Ba thừa là thế, dụng, tướng mạo thuộc về giáo phương tiện, đều chẳng phải Nhất thừa và danh số Thỉ giáo, Biệt giáo của ba thừa, danh nghĩa của tâm sở như dưới đây sẽ giải thích.

2. Dựa vào ba tánh để phân biệt, chung cho đại địa, thường đi chung cho ba tánh thiện, bất thiện, vô ký.

Đại địa thiện, chỉ cho tánh thiện, phiền não tiểu, đại, kể cả bốn sử chung cho trái lý, bất thiện và vô ký. Đại địa bất thiện chỉ có bất thiện. Triền trái với lý bất thiện. Giác quán chung cho ba tánh, tâm vương cũng như thế.

3. Y cứ vào hoặc để phân biệt, chung cho số đại địa, chung cho tất cả hoặc sử, triền v.v... Đại địa thiện không chung cho các hoặc, phiền não tiểu, đại và các phiền não như bốn sử, v.v...

Vô tâm, vô quý chung cho phiền não, phi phiền não. Vì nhập nghiệp nên ba triền v.v... này tức bất định ở triền là phiền não, nhập số thì chung cho phiền não, phi phiền não, giác quán chung cho phiền não, phi phiền não. Tâm vương cũng giống như thế.

4. Y cứ vào các thức để phân biệt, chung cho số tại địa, chung cho sáu thức. Giác quán chỉ có địa ý.

5. Giả thật phân biệt, chỉ có thật, không chung với giả. Tâm vương cũng giống như thế. Nghĩa khác như luận đã giải thích.

Đây là lược nói về nghĩa, đối tượng bình luận thích đáng, nhằm nói rõ phần giới hạn phạm vi của tâm, tâm sở của Đại thừa. Tông khác so sánh có thể biết.

Thuận theo nghĩa phân biệt ở trong tông mình:

Hỏi: Sao không nói gốc lành không si?

Đáp: Vì thuộc về chung cho tuệ của đại địa.

Năm phiền não khác trong đại phiền não vì sao không nói?

Đáp: Tà giải tức thuộc về giải thoát trong đại địa, thất niệm thuộc về niệm. Lại, vì tiềm ẩn nhau nên tán loạn thuộc về định. Lại, không hợp lý vì định gọi là tướng tán loạn tiềm ẩn.

Lại, năm kiến trong mười sử thuộc về tuệ trong thông. Si thuộc về vô minh trong đại phiền não. Lại, cái mà trên đã bỏ ấy đều là phương tiện dứt hoặc nhập đạo.

Hỏi: Đại địa thiện trong đây là những pháp lậu, vô lậu nào?

Đáp: Là trí lậu, vô lậu của nhân vô ngã.

Hỏi: Các đại địa này có gồm thân tâm phiền não và chướng sở tri hay không?

Đáp: Các tâm sở này không gồm thấu tâm phiền não. Theo chương sở tri có gồm thấu, mà không gồm thấu. Chương định, gồm thấu tâm phiền não của thế gian không gồm thấu thứ hai, đối với đại thừa, tiểu thừa kia đã biểu thị rõ ràng phước, lập.

Hỏi: Vô tâm, vô quý trong đây vì sao lại từ tùy phiền não?

Đáp: Vô tâm, vô quý có hai nghĩa:

1. Nói theo thể.
2. Y cứ vào dụng để biện luận.

Do công dụng trở thành lỗi lầm, vì đại thừa y cứ Tiểu thừa nhập tánh bất thiện. Nếu vì y cứ vào loại tự thể thì sẽ đồng với tiểu hoặc, nên nhập Đại thừa này thuộc về tùy phiền não.

Hỏi: Vì sao Đại thừa thêm thất niệm và tán loạn còn Tiểu thừa thì không thấy nói?

Đáp: Vì Tiểu thừa đầu tiên răn dạy tâm họ hẹp hòi, thua kém, chấp mắc nhau, nên ẩn đi không nói.

Hỏi: Biến hành, biệt cảnh là tùy phiền não đại hoặc và danh từ bất định ở trong Tiểu thừa vì sao không nói?

Đáp: Tâm sở của Tiểu thừa là do ý bậc Thánh lập, vì đối trị hoặc thô, nên không cần nói tế. Nay, vì các pháp này được gọi là đối trị chung hoặc tế, nên phân biệt tế, tương đương với nghĩa nhập đạo của Tiểu thừa.

Hỏi: Đại địa của Tiểu thừa và tên các sử đối với Đại thừa kia vì sao không nói?

Đáp: Tên đại địa, v.v... vốn đã thành tướng thô, trong Đại thừa tức là giáo của phương tiện nhập đạo đầu tiên. Chính vì nghĩa này nên ở trong giáo tế không có thích đáng nên không nói.

Muốn biết được ý bậc Thánh hãy dùng bốn câu sau đây để giảng nói:

1. Thể mạnh mà dụng yếu, như đại phiền não, v.v... Đây là y cứ một nửa của số Đại thừa, tức là sân.
2. Dụng mạnh mà thể yếu, như vô tâm vô quý. Đây là nói theo Tiểu thừa đối với Đại thừa.
3. Thể, tướng, dụng đều mạnh mẽ, như đại phiền não đại địa v.v... Đây là nói theo Tiểu thừa.
4. Thể dụng đều yếu, như tùy phiền não. Đây là nói theo Đại thừa, trong đó vẫn có thịnh suy nối tiếp nhau. Có thân thích thành, giúp thành, trở thành lỗi lớn. Tiểu thừa bỏ nổi nghi ngờ tiến tới đạo, có phương tiện, không có phương tiện, Phật thì phước, lập khác nhau. Hai tông Đại, Tiểu

lại lập danh lẫn nhau không bình đẳng, chẳng phải một, có thể so sánh tư duy gồm thấu.

Hỏi: Thế dụng của mười thứ phiền não đều mạnh mẽ, vì sao giáo đầu tiên của Tiểu thừa không nói?

Đáp: Trí Tiểu thừa nông cạn, như văn Tiểu thừa chép: “Phiền não Bất thiện và sử, v.v... đều nói theo chỗ tướng dụng mạnh mẽ. Lại, đối với ý giáo che chở nhau, hình thành nhau, như ba kiết, ba tùy chuyển thích nghi có thể tư duy. Lại như luận Du-già chép: “Chúng như thế v.v... đều có một pháp sở hữu của tâm tương ứng, đó gọi là bạn giúp đỡ đồng một đối tượng duyên, không đồng với một hành tướng. Một thời điểm đều có một hành tướng mà chuyển đều từ hạt giống sinh ra, lại có hành tướng tương ứng lẫn nhau, có đối tượng duyên, đối tượng nương tựa.

Hỏi: Các tâm pháp như thế có bao nhiêu tâm nương tựa, tất cả xứ tâm sinh ra, tất cả địa, tất cả thời, tất cả?

Đáp: Có năm, nghĩa là tác ý v.v..., tư là hậu biên.

Có bao nhiêu tâm dựa vào tất cả xứ, sinh ra tất cả địa, chẳng phải tất cả thời gian, chẳng phải tất cả chẳng?

Đáp: Cũng có năm, nghĩa là dục v.v..., Tuệ là hậu biên.

Có bao nhiêu tâm chỉ dựa vào thiện, chẳng phải tất cả xứ sinh, chẳng phải tất cả địa, chẳng phải tất cả thời gian, chẳng phải tất cả chẳng?

Đáp: Tín v.v..., bất hại là hậu biên.

Hỏi: Có bao nhiêu tâm chỉ y chỉ ô nhiễm, chẳng phải tất cả xứ sinh, chẳng phải tất cả địa, chẳng phải tất cả thời gian, chẳng phải tất cả chẳng?

Đáp: Tham v.v, bất chánh tri là hậu biên.

Hỏi: Có bao nhiêu tâm dựa vào tất cả xứ sinh, chẳng phải tất cả địa, chẳng phải tất cả thời, chẳng phải tất cả?

Đáp: Nghĩa là ác tác, từ là hậu biên, do đây tính toán lựa chọn chung nghĩa giả thật của văn kia, lược có bốn thứ:

1. Đối với tánh không, tất cả pháp khác đều là giả có, vì y chỉ bốn vô trụ, lập ra tất cả pháp.

2. Y cứ vào nhân duyên danh ngôn phát khởi lẫn nhau, tức là tất cả pháp đều chung cho nhân duyên giả thật, vì quả thật khởi nên giả.

3. Y cứ vào pháp tướng ba tánh, biến kế tức không, tình cho là có thật, vì thể tánh chân thật, nên lý thật có, vì y tha do duyên phát nên giả.

4. Phẩm loại tăng thêm vì thiện, ác trái thuận để nói về giả thật,

thì biện luận như thế, tâm sở hữu pháp cho đến bất tương ưng, v.v... để nói về giả, thật. Luận Du-già, Hiển Dương, v.v... cũng vậy đều đối nhau làm rõ nghĩa, dần dần trở thành pháp. Nếu tục để ẩn mất nhau và trái với việc lành mà dụng có lý ấy là giả. Nếu bày tỏ nhau mà có thể, dụng sự hướng đến việc lành là có thật. Vì sao? Bậc Thánh vì muốn dùng phương tiện đối với người căn cơ Tiểu, biểu thị rõ pháp là không.

Nghĩa vẫn như thế nào?

Vì tám thức y cứ vào chỗ sự dụng để giảng nói nên đều là thật. Năm mươi lăm pháp nếu y cứ theo hai mươi bảy pháp của Du-già thì là có thật, pháp còn lại đều giả lập.

Hai mươi bảy: Biến hành có năm, biệt cảnh năm, trong thiện có bảy, trừ không buông lung, xả là vô tham, sân, si, kể cả tinh tấn. Đối với bốn pháp này vì giả lập nên có bất hại. Lại vì giả lập trên vô sân nên Du-già nói: “Thế nào là các pháp thiện? Có bao nhiêu là cái có của thế tục? Có bao nhiêu là vật có thật?”

Đáp: Ba là cái có của thế tục, gọi là không buông lung, xả và bất hại. Vì sao? Vì không buông lung, xả là vô tham, vô sân, vô si, phần tinh tấn tức là nghĩa pháp lìa nhiễm, kiến lập làm xả. Vì nghĩa trị tạp nhiễm nên lập ra không buông lung. Bất hại tức là phần vô sân, không có vật thật riêng.

Phiền não căn bản có sáu: Năm thật, một giả. Luận chép: “Trong phiền não căn bản sáu có bao nhiêu thế tục có? Bao nhiêu vật có thật?”

Đáp: Một, kiến là có của thế tục, vì là phần tuệ, cái có của vật thật khác, vì tâm pháp riêng, nên thuận theo giả thật của phiền não tức hai mươi bốn, gọi chung là phần tùy phiền não, cũng không nói tà dục, tà thắng giải.

Y cứ trong bốn địa phần có hai mươi sáu, thêm tà dục, tà thắng giải, rộng như trong luận đã giải thích.

Lại nữa, tùy phiền não này có bao nhiêu thế tục? Có bao nhiêu vật thật? Cái gọi là vô tà, vô quý, bất tín, biếng nhác, bốn thứ này là thật, các thứ còn lại là giả. Phần, hận, não, tật, hại, năm thứ này là phần sân, sân này đều có thế tục, San, kiêu, trạo cử ba là phần tham, cũng là thế tục có. Chín pháp: Phú, cuống, siểm, hôn trầm, thù miên, ác tác, vong niệm, tán loạn, tuệ ác là phần si, đều là thế tục có. Buông lung là phần tham, sân, si, biếng nhác, là thế tục có. Hai pháp: tâm, tứ là phát ra lời nói, phần gia hạnh của tâm và phần tuệ nên là giả có. Nếu theo luận Tạp Tập nói hai mươi hai là vật có thật, vật khác là giả có.

Hai mươi hai: Biến hành có năm, biệt cảnh có năm, thiện có bảy,

là vật có thật, bốn thiện còn lại là giả có, nên luận ở dưới chép: Vô si, nghĩa là báo giáo, chứng trí, quyết trạch làm thể. Lại, quyết trạch nghĩa là vì tuệ, dũng, cần đều có, nên biết chẳng có dụng si, tuệ làm tánh. Không buông lung, xả đều nói rằng: Y chỉ chánh cần, vô tham, vô sân, vô si. Cho nên y cứ vào bốn pháp này giả lập.

Bất hại, là một phần gốc lành vô sân nên là giả có. Phiền não căn bản có mười, năm là thật có, năm là giả có, là phần tuệ. Tùy phiền não là bốn bất định, hợp với hai mươi bốn đều là giả có, nên luận chép: “Nên biết phần, v.v... là giả kiến lập, vì lia sân, chẳng có tự thể riêng”.

Phần, hận, não, tật, hại, năm thứ này là một phần sân, đồng với luận Du Già nói: Sân, kiêu, trạo cử, ba thứ này là phần của tham, đồng với Du-già nói: Buông lung nương tựa bốn pháp biếng nhác và tham, sân, si mà giả lập. Cũng đồng với Du-già chép: Vô tầm, vô quý là một phần tham, sân, si, bất tín biếng trễ là một phần si, đều là giả lập, không đồng với Du-già. Bốn vật thật có này của Du-già: Hai pháp cuống, siểm là một phần của ngu si, pháp tán loạn là một phần của tham, sân, si. Vọng niệm bất chánh tri là phiền não tương ứng với định, tuệ làm thể. Phú, thù miên, hôn trầm, ác tác, bốn pháp này là một phần ngu si. Hai pháp tầm, từ hoặc tánh tư, hoặc tánh tuệ, nghĩa là đối với nghĩa vị riêng, tìm tòi, so lường, không tìm tòi, so lường. Chín trong các tùy phiền não của Du-già đã nói ở trước là: Phú, siểm, cuống, hôn trầm, thù miên, ác tác, vọng niệm, tán loạn, tuệ ác đều là phần si.

Luận này chỉ bốn thứ: Phú, hôn trầm, ngu ngử, ác tác là phần ngu si, năm thứ còn lại khác nhau, nghĩa là một pháp tán loạn là phần tham, sân, si, hai pháp cuống siểm là phần tham, si, vọng niệm, bất chánh tri là niệm trong phiền não.

Sở dĩ có sự khác nhau này là phải biết rằng đều do các nhà soạn luận đã dùng phương tiện liên lạc với nhau để biểu thị rõ nghĩa khác của mình, tùy thuộc vào sự khác nhau về hưng thịnh, suy vi thêm lên của họ, về lý, không trái nhau.

Nếu theo Tỳ-đàm thì triển như tùy phiền não chung cho nương tựa, chín sử là tham, sân, si, nghi, năm kiến, chỉ trừ sử mạn. Trong đây, Đại thừa chỉ là tham, sân, si y, chẳng phải sử khác y. Vì sao? Vì sự liên lạc với nhau giữa hai tông, đều biểu thị rõ một nghĩa.

Tráng Pháp sư: “Bảy pháp trong các tùy phiền não của các sư phương Tây” là thật có, vô tầm, vô quý, bất tín, biếng trễ bốn thứ có tự thể riêng. Luận có văn thành thật: ba pháp thật hôn trầm, trạo cử, tán loạn cũng có tự thể riêng, cho nên biết được”.

Giải thích: Vì trạo cử là phần tham, vẫn là tham, có tự thể riêng, như tham không tương ứng với giận.

Nếu vậy thì trạo cử sẽ có lỗi là không tương ứng với tất cả phiền não chăng?

Phải biết rằng, hôn trầm, tán loạn cũng là một phần si, nên biết cũng có tự thể riêng. Nay, y cứ luận Tạp Tập chỉ nói là một phần tham, sân, si trong tùy phiền não và y chỉ tham, sân, si đều là giả có. Nếu nói tham, sân, si này có thật thì nay bảy sử: vô tâm, vô quý, hôn trầm, trạo cử, bất tín, biếng trễ, tâm loạn này là một phần của tham, giận, si. Mười ba thứ còn lại, hoặc nói một phần, hoặc nói y chỉ ở đây, so sánh đều là giả có. Bốn pháp bất định cũng có thể riêng, là bất định. Lại, nếu có tự thể riêng thì đâu riêng gì biến hành.

Đáp: Biến hành tùy thuộc khởi thì đồng với hiện hành, bất định hiện tiền do khác nhau với sự. Điều này phải nên suy nghĩ. Lại, bốn pháp này so với trên không đủ, so với dưới có thừa.

Tráng Pháp sư nói: gốc lành vô si có thể tánh riêng. Ba trong mười một món thiện của Du-già là giả có. Xả, không buông lung, bất hại, ba thứ này là giả có, các thứ còn lại là thật có. Lại, đại bi dùng vô si làm tánh. Vì tuệ căn không nói gồm thân với hai mươi hai căn, nên biết có tánh riêng. Như trong văn đem vô si đối với ba tuệ để giải thích, chỉ giải thích đối với ba tuệ nhằm làm sáng tỏ vô si, chẳng phải tức một thể. Nếu theo các nghĩa này thì ba mươi có thật trong pháp sở hữu của tâm, nghĩa khác là giả có. Ba mươi: Trong hai mươi hai thứ trước thêm bảy tùy phiền não và vô si. Y cứ khởi sai duyên riêng có nhiều ít chủng loại tạo nghiệp khác nhau, gọi là bỏ riêng, phần khởi đều như Du-già và luận Thành Duy Thức giải thích, cũng có phần trí giả phán quyết Đại thừa y cứ cách giải thích của Tiểu thừa, xét văn của Đại thừa e không thể cùng cực, phải xét định tâm sở sâu kín khó có thể biết rõ, lược nêu một góc độ để chỉ bày cho người hậu học.